

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/DS-ST
Ngày: 26/8/2024
V/v “*Tranh chấp về hợp đồng
mua bán tài sản*”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Nhật Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Thành;

Ông Đỗ Ngọc Quý.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Bá Sử - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 04 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trương Thị Hoa Đ - sinh năm: 1970;

Trú tại: Tổ dân phố số A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Kim T – sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ dân phố số I, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa - là người đại diện theo uỷ quyền (theo giấy uỷ quyền lập ngày 14/05/2024 tại Văn phòng C, số C, quyền số 05/2024 TP/CC-SCC/HĐGD).

(Ông T có mặt)

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H - sinh năm: 1968;

Trú tại: Tổ dân phố số I, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2024 (nộp Tòa án ngày 03 tháng 01 năm 2022); đơn bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2024 (nộp Tòa án cùng ngày); bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trương Thị Hoa Đ và người đại diện hợp pháp của bà Đ là ông Lê Kim T trình bày:

Giữa bà Trương Thị Hoa Đ và bà Nguyễn Thị H có quan hệ mua bán trái cây với nhau từ nhiều năm, bà Đ bán trái cây cho bà Nguyễn Thị H. Từ năm 2021 đến năm 2023, giữa hai người mua bán trái cây nhiều lần và chót nợ với nhau 05 lần, cụ thể:

- Ngày 30/12/2021 bà H nợ lại bà Đ số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng).

- Ngày 29/12/2022, bà H nợ bà Đ số tiền 412.000.000đ (bốn trăm mười hai triệu đồng).

- Ngày 04/03/2023, bà H nợ bà Đ số tiền 264.000.000đ (hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

- Ngày 02/5/2023, bà H nợ bà Đ số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

- Ngày 04/7/2023, bà H nợ bà Đ số tiền 82.560.000đ (tám mươi hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng cộng số tiền bà H còn nợ bà Đ là 1.028.560.000đ (một tỷ không trăm hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bà H có làm hợp đồng mua bán trái cây ngày 23/8/2023 xác nhận số nợ trên và hứa đến ngày 12/12/2023 sẽ trả cho bà Đ toàn bộ số tiền nợ. Tại hợp đồng có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị H.

Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ, bà H không trả cho bà Đ, bà Đ đã nhiều lần yêu cầu bà H thanh toán tiền nợ, nhưng bà H luôn né tránh, không muốn trả nợ cho bà Đ.

Hiện tại, bà H còn nợ bà Đ số tiền gốc là 1.028.560.000đ (một tỷ không trăm hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Nay, bà Trương Thị Hoa Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền gốc còn nợ là 1.028.560.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Ngoài ra, bà Đ còn yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền lãi chậm trả kể từ ngày 12/12/2023 đến ngày 26/8/2024 là 08 tháng 14 ngày với lãi suất 0,83%/ tháng (10%/năm), cụ thể:

+ Lãi của 08 tháng: $(1.028.560.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng}) = 68.296.384 \text{ đồng}$.

+ Lãi của 14 ngày: $[(68.296.384 \text{ đồng} : 8) : 30 \text{ ngày}] \times 14 \text{ ngày} = 3.983.955 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: $68.296.384 \text{ đồng} + 3.983.955 \text{ đồng} = 72.280.339\text{đ}$ (bảy mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng).

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi bà Trương Thị Hoa Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả là $1.100.840.339\text{đ}$ (một tỷ một trăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn ba trăm ba mươi chín đồng). Bà Đ yêu cầu bà H phải trả một lần toàn bộ số tiền nợ trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 5 năm 2024 và tại phiên toà hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và bà Trương Thị Hoa Đ có mối quan hệ mua bán trái cây với nhau. Mua bán với nhau từ năm 2004. Bà lấy trái cây của bà Đ để về bán lại ngoài chợ. Việc mua bán 02 bên thanh toán như sau:

Cứ 03 tháng 01 lần chốt sổ thanh toán số tiền lấy trái cây. Đến năm 2021 (cụ thể là ngày 30/12/2021) do buôn bán thua lỗ nên bà thiếu lại bà Đ số tiền 170.000.000 đồng, thống nhất đây là tiền gói đầu, bà không trả số tiền trên mà tiếp tục lấy trái cây mua bán.

Đến năm 2022 (cụ thể là ngày 29/12/2022), bà thiếu bà Đ số tiền 412.000.000đ (bốn trăm mười hai triệu đồng), bà nhớ trong tổng số tiền này có 12.000.000 đồng tiền lãi.

Đến năm 2023 (cụ thể là ngày 04/03/2023), bà thiếu bà Đ số tiền 264.000.000đ (hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

Đến ngày 02/5/2023, bà thiếu bà Đ số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Đến ngày 04/7/2023, bà thiếu bà Đ số tiền 82.560.000đ (tám mươi hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng cộng số tiền bà H còn nợ bà Đ là 1.028.560.000đ (một tỷ không trăm hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng), gồm cả gốc và lãi, bà không xác định tiền lãi là bao nhiêu cũng như không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Sau đó, bà và bà Đ có làm 01 (một) hợp đồng mua bán trái cây ngày 23/8/2023 xác nhận bà còn nợ bà Đ số tiền trên, tại hợp đồng không thể hiện có tiền lãi trong số tiền này cũng không thể hiện sẽ trả lãi đối với số tiền nợ và thỏa thuận đến ngày 12/12/2023, bà sẽ trả cho bà Đ toàn bộ số tiền nợ.

Đến thời hạn trả nợ, do mua bán trái cây thua lỗ bà không có khả năng trả nợ cho bà Đ. Bà thừa nhận, hiện bà còn nợ bà Đ số tiền nợ là 1.028.560.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Nay bà Trương Thị Hoa Đ yêu cầu bà phải trả số tiền gốc còn nợ do mua bán trái cây là 1.028.560.000đ (một tỷ không trăm hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 26/8/2024 là 72.280.339đ (bảy mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng); tổng cộng là 1.100.840.339đ (một tỷ một trăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn ba trăm ba mươi chín đồng). Bà cũng đồng ý trả theo yêu cầu bà Đ về số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 26/8/2024 theo thời gian, mức lãi suất bà H yêu cầu nhưng hiện tại do khó khăn nên bà xin trả theo đợt, cụ thể: bà sẽ trả cho bà Đ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng)/ năm đến khi trả hết nợ.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị Hoa Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị Hoa Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Đ số tiền còn nợ do mua bán trái cây; bị đơn bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú là Tổ dân phố số I, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điều a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Hoa Đ đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà một lần toàn bộ số tiền nợ do mua bán trái cây là 1.100.840.339đ (một tỷ một trăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn ba trăm ba mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 1.028.560.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi

tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng); tiền lãi chậm trả tính từ ngày 12/12/2023 đến ngày 26/8/2024 là 08 tháng 14 ngày với mức lãi suất 0,83%/ tháng là 72.280.339đ (bảy mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng) theo hợp đồng mua bán trái cây ngày 23/8/2023.

[2.2] Tại biên bản lấy lời khai ngày ngày 21 tháng 5 năm 2024, các biên bản hoà giải và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị H cũng thống nhất với phần trình bày của bà Trương Thị Hoa Đ về việc mua bán giữa hai bên, số tiền còn nợ và nghĩa vụ trả nợ; bà H xác định hiện tại còn nợ bà Đ số tiền 1.028.560.000đ (một tỷ không trăm hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) do mua bán trái cây và đây là khoản nợ riêng của bà, không liên quan đến chồng bà nên bà chịu trách nhiệm trả cho bà Đ.

[2.3] Căn cứ vào **Hợp đồng mua bán trái cây ngày 23/8/2023 do hai bên lập, có chữ ký xác nhận** của bà Nguyễn Thị H mà bà Trương Thị Hoa Đ cung cấp cho Tòa án và căn cứ vào lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Có đủ căn cứ kết luận: Việc mua bán trái cây giữa bà Trương Thị Hoa Đ và bà Nguyễn Thị H là có thật, các bên đã thỏa thuận xác lập hợp đồng mua bán tài sản trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; bà Nguyễn Thị H còn nợ bà Trương Thị H1 Đào số tiền mua bán trái cây là 1.028.560.000đ (một tỷ không trăm hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng), hiện nay bà H vẫn chưa thanh toán và còn nợ lại bà Đ số tiền nêu trên.

[2.4] Việc bà H không thanh toán tiền cho bà Đ đã vi phạm quy định về hợp đồng dân sự về mua bán tài sản; nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự; đồng thời gây khó khăn cho bà Đ trong việc thu hồi tiền nợ, ảnh hưởng quyền lợi của bà Đ nên bà Đ khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền cho bà là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Bà Trương Thị Hoa Đ và bà Nguyễn Thị H đều xác định khoản tiền nợ 1.028.560.000đ (một tỷ không trăm hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) là nợ riêng của mình bà H, bà Đ chỉ yêu cầu bà H trả nợ mà không yêu cầu chồng bà H hoặc ai khác cùng trả nợ.

[2.5] Về tiền lãi chậm trả: Nguyên đơn bà Trương Thị Hoa Đ yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền lãi chậm trả kể từ ngày 12/12/2023 đến ngày 26/8/2024 là 08 tháng 14 ngày với mức lãi suất 0,83%/ tháng (tức 10%/năm), cụ thể:

+ Lãi của 08 tháng: $(1.028.560.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/ \text{tháng} \times 08 \text{ tháng}) = 68.296.384 \text{ đồng}$

+ Lãi của 14 ngày: $[(68.296.384 \text{ đồng} : 8) : 30 \text{ ngày}] \times 14 \text{ ngày} = 3.983.955 \text{ đồng}$

Tổng cộng: 68.296.384 đồng + 3.983.955 đồng = 72.280.339đ (bảy mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng).

HĐXX xét thấy, nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm trả với khoảng thời gian và mức lãi suất như trên là phù hợp với quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; đồng thời, bị đơn bà Nguyễn Thị H cũng đồng ý trả tiền lãi chậm trả với khoảng thời gian và mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu nên cần chấp nhận.

[2.6] Về yêu cầu của bị đơn: Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày trong số tiền nợ 1.028.560.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) có cộng thêm tiền lãi nhưng bà H không xác định số tiền lãi là bao nhiêu cũng như không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc này. Đồng thời, bà H cũng xác định tại hợp đồng mua bán trái cây ngày 23/8/2023 không thể hiện có cộng tiền lãi vào trong số tiền này. Do đó không có cơ sở chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị H đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ do mua bán là 1.100.840.339đ (một tỷ một trăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn ba trăm ba mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 1.028.560.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 12/12/2023 đến ngày 26/8/2024 là 08 tháng 14 ngày với mức lãi suất 0,83%/ tháng là 72.280.339đ (bảy mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng). Tuy nhiên, do hiện nay bà H đang gặp khó khăn nên xin trả thành từng đợt, bà H đề nghị sẽ trả cho bà Đ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng)/ 01 (một) năm cho đến khi trả hết số nợ. Tuy nhiên, yêu cầu này của bà H không được bà Đ đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.7] Về việc người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại Đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 1%/tháng (tức 20%/năm). Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Kim T thay đổi yêu cầu đối với mức lãi suất, chỉ yêu cầu bị đơn trả khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất là 0,83%/tháng (tức 10%/năm). Việc thay đổi yêu cầu ông T là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu này của ông T.

[2.7] Từ những nhận định và phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả một lần cho nguyên đơn bà Trương Thị Hoa Đ toàn bộ số tiền mua bán trái cây còn nợ là 1.100.840.339đ (một tỷ một trăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn ba trăm

ba mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 1.028.560.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng); tiền lãi chậm trả tính từ ngày 12/12/2023 đến ngày 26/8/2024 là 72.280.339đ (bảy mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng)

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của bà Trương Thị Hoa Đ được chấp nhận nên bà Đ không chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể:

$36.000.000 \text{ đồng} + [3\% \times (1.100.840.339 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng})] = 45.025.210 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, án phí, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị Hoa Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Trương Thị H1 Đào số tiền mua bán trái cây còn nợ là 1.100.840.339đ (một tỷ một trăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn ba trăm ba mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 1.028.560.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 26/8/2024 là 72.280.339đ (bảy mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng)

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 45.025.210đ (bốn mươi năm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm mười đồng).

Hoàn trả lại cho bà Trương Thị H1 Đào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 19.400.000đ (mười chín triệu bốn trăm nghìn đồng) và 1.285.000đ (một triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006922 ngày 04/4/2024 và số 0007049 ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu AV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vi Nhật Hoàng